

Nữ trang của người phụ nữ Việt Nam qua ca dao

Vương Thị Nguyệt Quế

Nữ trang – đồ trang sức của phụ nữ - gồm nhiều loại như: nhẫn, vòng, bông tai, dây chuyền, kiềng, xuyên... Người phụ nữ dù giàu hay nghèo đều thích làm đẹp. Qua kho tàng ca dao Việt Nam, chúng ta sẽ thấy được các loại nữ trang và vai trò của nó trong cuộc sống của người phụ nữ nước ta.

Ngoài mục đích làm đẹp, làm tài sản, đồ trang sức còn tượng trưng cho các nghi lễ và phong tục tập quán. Đặc biệt đôi bông cưới được coi là một sính lễ bắt buộc. Ngày xưa, nếu gia đình chú rể khó khăn, ít nhất phải cho cô dâu đôi bông “búp mù u”. Đôi bông là biểu tượng của hôn nhân:

*Người ta giàu, người ta dẫu heo nọng thịt
Hai đứa mình nghèo thời cặp vịt với đôi bông
Chớ anh đừng biểu theo không, người ta cưới.*

Yêu nhau, đến khi cưới nhau phải có đôi bông:

*Gió lao rao tàu cau nhỏng nhảnh
Em thương anh rồi thọ lãnh đôi bông.
Có những chàng trai còn nói khéo:
Bụi cỏ le the bụi tre lúp xúp
Em có nơi nào anh giúp đôi bông.
Có chàng trai còn khôi hài:
Bình phong cần ốc xa cừ
Mặt em có thọ anh trừ đôi bông.*

Câu ca dao này chỉ là đùa vui, chưa thấy đám cưới nào cô dâu bị trừ đôi bông.

Hoa tai (bông tai) lúc đầu được người thợ kim hoàn làm giống cái bông, để người phụ nữ đeo ở hai mái tai. Gọi là bông tai hay hoa tai tùy theo vùng miền của đất nước. Ngày nay, người thợ làm bông tai thành nhiều dạng khác nhau

như: cái hoa, giọt nước, ngôi sao, chiếc lá... nhưng theo thói quen vẫn gọi là bông (hoa) tai:

*Gió đưa gió đẩy bông trang
Bông búp về nàng, bông nở về anh.*

Người vợ nói lên tình yêu của mình với chồng một cách khéo léo:

*Một mai thiếp có xa chàng
Đôi bông thiếp trả, đôi vàng thiếp xin.*

Tại sao nếu có chia tay (xa chàng) chỉ trả đôi bông, còn đôi vàng xin giữ lại? Ở đây, người phụ nữ ý nói còn rất thương chồng nên chỉ trả đôi bông của cha mẹ chồng cho trong lễ cưới. Còn đôi vàng là của hai vợ chồng sắm thêm sau lễ cưới thì xin giữ lại làm kỷ niệm. Ngày xưa, ta còn nghe nói đến khuyên tai (khoen) là vòng nhỏ bằng vàng hay bạc để phụ nữ đeo tai. Trong ca dao xưa miền Bắc còn nhắc đến đôi trâm:

.....

*Đến khi lấy chồng anh sẽ giúp cho
Giúp em một gánh xôi vò
Một con lợn béo, một vò rượu tăm.
Giúp cho đôi chiếu em nằm
Đôi chăn em đắp, đôi trâm em đeo
Giúp cho quan tám tiền cheo
Quan năm tiền cưới, lại đèo buồng cau.*

Ngoài bông tai, nhẫn cưới cũng vừa là nữ trang, vừa là lễ vật phải có trong nghi lễ cưới hỏi ở Việt Nam ngày nay. Nhẫn cưới có lẽ chỉ mới xuất hiện sau này, là sản phẩm của quá trình giao lưu văn hoá với phương Tây. Nhẫn – cái khâu – được trao trong lễ đính hôn thường là nhẫn trơn

bằng vàng, có ý nghĩa xác nhận hôn ước đôi bên. Nhẫn cưới phải đeo ở ngón tay áp út.

Để cầu cho tình duyên được theo ước nguyện, chàng trai đã:

*Lên chùa lạy Phật Thích Ca
Lạy ông Tam Thế, vua cha Ngọc*

Hoàng

*Bước ra kết nghĩa cùng nàng
Túi anh có nhẫn cho nàng đeo tay.*

Người phụ nữ nào tay có đeo nhẫn trơn ở ngón áp út thì coi như đã có chồng:

*Không chồng đi dọc đi ngang
Có chồng cứ thẳng một đường mà đi.*

Khi đã đeo nhẫn cưới thì phải đeo nhẫn đó đến già. Có khi dù chưa cưới hỏi, có nhiều đôi nam nữ còn dám qua mặt đáng sinh thành:

*Thương nhau cởi nhẫn trao nhau
Về nhà dối mẹ qua cầu đánh rơi.*

Ngoài nhẫn trơn, các chàng trai còn tặng cho người yêu nhẫn mặt ngọc, còn gọi là cà rá (nhẫn đeo tay bằng vàng hay bạch kim có mặt đá). Đây là nhẫn có đính các hạt đá quý như: kim cương, hồng ngọc, bảo ngọc, lam ngọc...

*Hột thủy tinh dây nhìn sáng rỡ
Để dành chờ thuở làm nhẫn đeo tay*

Dầu ai năn nỉ hỏi nài

Anh đợi người biết đạo, của này anh sẽ trao.

Những chiếc nhẫn ngọc như nhẫn kim cương vừa là nữ trang, vừa là tài sản, vừa thể hiện sự giàu có. Chỉ những phụ nữ nhà quyền quý mới có nhẫn này.

Ngoài bông tai và nhẫn, người phụ nữ Việt Nam còn làm đẹp bằng những vòng đeo cổ như vòng kiềng. Kiềng là vòng bằng vàng, bạc hay đồng ; có thể mở ra hay khâu lại. Người phụ nữ thường đeo ở cổ hoặc ở cổ chân.

*Câu tôm ngủ gục
Anh vớt hột con tôm càng
Phải chi anh vớt dặng*

Anh sắm kiềng vàng tặng em.

Vớt hột con tôm, coi như mất cây kiềng vàng mà anh chàng câu tôm mơ mộng định tặng cho người yêu.

Người con trai còn mượn cây kiềng vàng để nói về tình yêu đôi lứa:

*Cây kiềng vàng đeo lâu còn đỡ
Hai đứa mình còn nhỏ còn thương.*

Hay

*Cưới em đúc một cây kiềng vàng
Áo thủy ba dọn sóng hỏi vợ hiền chịu*

không?

Nguyên liệu làm nữ trang từ xưa đến nay chủ yếu là vàng. Vàng là một kim loại quý. Từ rất xa xưa, người ta đã biết đến giá trị của thứ kim loại quý hiếm này. Vàng có màu vàng nghệ óng ánh, không phai mờ với thời gian. Vàng mềm và rất dẻo, dễ kéo sợi, dễ dát mỏng nên người ta có thể tạo ra những đồ trang sức bằng vàng rất tinh vi. Ngoài ra, còn một số kim loại và hợp kim dùng để pha chế với vàng thành những loại vàng ít tuổi. Kim loại và hợp kim đó là: bạc, đồng, thau... cũng được dùng làm nữ trang, nhưng có giá trị thấp hơn.

Mẹ sắm cho em cái yếm nhất phẩm hồng

Thắt lưng đôi tím, nhẫn đồng đeo tay.

Tuy nữ trang được làm bằng những kim loại quý như vậy, nhưng không phải có đeo vàng, đeo bạc... là cô gái có được tình yêu của chàng trai:

Không thương dù có đeo vàng

Bằng thương chiếc áo vá quàng cũng thương.

Hay

Chẳng thương cái cổ em có hột xoàn

Thương em áo vá chẹt, vá quàng năm thân.

Ngoài các nữ trang trên, người phụ nữ Việt Nam còn đeo xuyên. Xuyên là đồ nữ trang đeo tay bằng vàng, bạc hay ngọc (vòng xuyên vàng, xuyên ngọc).

*Thân em như thể xuyên vàng
Thân anh như mảnh chiếu rách bạn
hàng bỏ quên
May trời cho gió nổi lên
Cho mảnh chiếu rách nằm trên xuyên
vàng.*

Để làm đẹp, người phụ nữ còn đeo neo
(chiếc vòng bằng vàng hay bạc đeo ở tay):

*Cái cổ yếm em nó thông thông thông
Tay em đeo vòng như bắp chuối non.*

Hay

Thương em ghi tạc vào lòng

Đôi neo một lượng, đôi vòng mười cân.

Nữ trang mềm mại nhất phải kể đến
dây chuyền. Dây chuyền được làm bằng
vàng hay bạc... gồm nhiều khoen nhỏ móc
vào nhau được người phụ nữ đeo ở cổ hay
cườm tay:

Bậu đừng bán dạng thuyền quỳên

Cái khăn bậu đội, dây chuyền ai mua?

Ngày xưa, người phụ nữ thường để tóc
dài:

Tóc đến lưng vừa chùng em bới

Để chi hoài bới rồi dạ anh.

Để cho gọn, người phụ nữ thường vấn
tóc, bới tóc (búi tóc)... Cài lược hay cài các
đồ trang sức để giữ nếp mái tóc, cũng là
để làm duyên, làm đẹp:

Chiều trông về núi Tô Châu

Thấy em gánh nước trên đầu giắt trâm

Trâm đôi môi, tóc em em giắt

Mắt anh nhìn, thương thiệt là thương.

Chiếc trâm đôi môi là vật quý của xứ
Hà Tiên lúc bấy giờ. Đôi môi còn có tên
là rùa biển, lưng đôi môi được bao bọc bởi
mười ba miếng vẩy, vẩy đôi môi là một
sản phẩm hiếm và quý. Qua bàn tay khéo
léo của các nghệ nhân, vẩy đôi môi được
chế tạo thành nhiều món trang sức hoặc
vật kỷ niệm đẹp, có giá trị. Cũng như các
đồ trang sức khác, trâm còn được làm bằng
vàng, bạc... được dùng làm sinh lễ:

Má ơi! Con má chính chuyên

Ghe bầu đi nói một thiên tiền đoàn

*Không tin mở hộp ra coi
Cây trâm ở dưới tiền đoàn ở trên.
Có chàng trai còn mượn việc cài trâm
để trêu ghẹo cô gái:*

Trâm vàng giắt chặt tua rung

Em ơi! Day mặt lại anh hun đỡ lòng.

Chàng trai con nhà nghèo, không thể
tặng người yêu trâm vàng, trâm bạc. Thì
cái móc đồng anh sẽ tặng cho em để thay
lời thể non, hẹn biển:

Em day cái đầu tóc

Anh giắt cái móc đồng

*Mai sau em có lưu lạc ra ngã Ba Giồng
gặp anh.*

Ngã Ba Giồng là hệ thống ba giồng
cát chạy từ huyện Châu Thành, Cai Lậy
đến Cái Bè (Tiền Giang). Đúng là cách
tặng cũng thể hiện tính cách của người
Nam Bộ. Không cần gói quà cầu kỳ, chỉ
cần em day cái đầu tóc để anh giắt cái
móc đồng. Đây cũng là tín vật, sau này có
lưu lạc ta sẽ tìm nhau.

Tuy thích làm đẹp, nhưng không phải
lúc nào người phụ nữ cũng đeo đồ trang
sức:

Ba năm tang chế mãn rồi

Đầu dơ em gội vòng thời em đeo.

Ngày xưa, người phụ nữ khi để tang
thì không được trang điểm hay đeo đồ
trang sức. Sau ba năm để tang cho người
thân quá cố, người phụ nữ mới được đeo
đồ trang sức để làm đẹp, làm duyên, có
khi cũng để khoe của.

Nữ trang còn là tài sản người phụ nữ
luôn mang theo bên mình để hộ thân. Một
hình thức bảo hiểm khi gặp tai ương. Khi
quá yêu, họ còn đem tặng nó cho người
tình:

Đền nào cao bằng đền Châu Đốc

Xứ nào đốc bằng xứ Nam Vang

*Một tiếng anh than, ba bốn đôi vàng em
không tiếc*

*Anh lấy dặng của rồi trốn biệt lánh
thân.*

Hay:

Bậu khoe bậu có đôi bông

Cởi ra báo hiếu cho chồng về quê.

Người con gái khi mới lớn, thường được cha mẹ cho tài sản cũng là nữ trang để làm đẹp, làm của hồi môn sau này khi lấy chồng. Chẳng may, không còn giữ được tài sản cha mẹ cho:

Má ơi! Con mà hư rồi

Móc tai cũng bán, vàng đôi cũng cầm.

Người Việt Nam còn có tục lệ, nếu nhà gái đã nhận lễ vật rồi mà cô gái muốn từ hôn với chàng trai; gia đình cô gái phải trả lại tất cả lễ vật nhà trai đã đưa sang:

Đi ngang nhà bạn

Nghe cha mẹ bàn soạn gả bạn lấy chồng

Mặt trăng vừa qua, Mặt trời vừa xế

Anh biểu em về lập kế từ hôn

Bao nhiêu nữ trang em trả lại

Bạc “tiền đồng” đi một, anh thối hai.

Kho tàng ca dao Việt Nam tuy rất phong phú, nhưng những câu ca dao về nữ trang không nhiều lắm. Tác giả ca dao là những người bình dân. Người dân Việt Nam trước đây đại bộ phận sống bằng nghề nông, cuộc sống gặp nhiều khó khăn, có người còn không biết chữ. Từ

đó, trong tình yêu họ rất thoáng, không quá câu nệ:

Khổ qua non, khổ qua đắng

Khổ qua mắc nắng, khổ qua đeo

Em thương anh chẳng nệ giàu nghèo

Thò tay điểm chỉ, dẫu nghèo em cũng theo.

Đã thương thì không cần bông tai, nhẫn vàng, vòng, kiềng, dây chuyền... vì em biết anh rất nghèo. Nhưng cô gái không theo đại mà đòi hỏi sự chấp nhận của xã hội. Nếu anh và em cùng thò tay điểm chỉ (lăn tay) vào tờ giấy giá thú (hôn thú) xác nhận mối quan hệ của đôi ta trước nhà nước và pháp luật, chỉ cần như vậy em sẵn sàng theo anh. Còn hơn là những cô mặt trên mày trơ, có của mà không ai màng tới:

Cô kia mặt trên mày trơ

Vàng đeo, bạc quán cũng dơ dáng người.

Ngày nay, cùng với sự phát triển của đất nước, cuộc sống của người dân ngày càng được nâng cao. Vai trò của người phụ nữ trong xã hội đã được coi trọng hơn. Quan niệm về cái đẹp của người phụ nữ cũng thay đổi ít nhiều, nữ trang ngày càng có vai trò quan trọng trong cuộc sống của người phụ nữ Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

1. Vũ Quang Dũng, Địa danh Việt Nam trong tục ngữ ca dao, NXB Từ điển bách khoa, 2006.
2. Lê Giang, Bộ hành với ca dao, NXB Trẻ, 2004.
3. Nguyễn Văn Hầu, Văn học Miền Nam lục tỉnh, tập 1, NXB Trẻ, 2012.
4. Nhiều tác giả-TS Trần Văn Nam chủ biên, Phong tục người Việt Đồng Bằng Sông Cửu Long, NXB Đại Học Cần Thơ, 2011.
5. Trọng Toàn, Hương hoa đất nước, quyển 1-2, NXB Bốn Phương, 1949.